

MỐI QUAN HỆ GIỮA SỬ DỤNG FACEBOOK VỚI VẤN ĐỀ CẢM XÚC, HÀNH VI CỦA HỌC SINH: NGHIÊN CỨU TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI VÀ NINH BÌNH

Phạm Thị Phương Thúc^{1,+},
Đặng Đức Anh²

¹Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;

²Trường Quốc tế đa cấp Anh Việt Hoàng gia (BVIS) Hà Nội

+Tác giả liên hệ • Email: thucptp@vnies.edu.vn

Article history

Received: 24/10/2024

Accepted: 18/11/2024

Published: 20/02/2025

Keywords

Facebook, emotional and behavioral problems, internal problems, external problems, middle school students

ABSTRACT

The emergence of social media has brought both opportunities and challenges for adolescents regarding mental health issues. This study investigated the relationship between Facebook use and junior high school students' emotional and behavioral problems. The study was conducted on 462 middle school students from 4 schools in Hanoi and Ninh Binh. The Bergen Facebook Social Networking Addiction Scale and the Youth Self-Report (Achenbach) were used to assess Facebook dependence and emotional and behavioral problems of middle school students. The data analysis results show that students' Facebook usage level is positively correlated with emotional and behavioral issues at a weak level ($r=0.211$). Regarding genders, Facebook use among female students was more strongly correlated with emotional and behavioral issues than their male peers. The study also finds that Facebook use predicts the level of emotional and behavioral problems among middle school students by 4.4%. Although the study was limited to a specific geographical area, the results emphasize the importance of understanding the impact of social media use on mental health of middle school students and contribute to raising awareness among adolescents about the consequences of excessive social media use.

1. Mở đầu

Trong kỉ nguyên số, việc kết nối với người khác thông qua thiết bị điện tử dựa trên Internet trở thành một phần không thể thiếu đối với thanh thiếu niên. Số liệu thống kê do Eurostat (2022) công bố cho thấy, trong năm 2022, hơn 80% thanh thiếu niên châu Âu sử dụng Internet hằng ngày để tham gia vào các mạng xã hội (MXH). Một công bố khác của Pew Research Center (2022) cũng chỉ ra rằng hơn 35% thanh thiếu niên Bắc Mỹ đang sử dụng ít nhất một nền tảng truyền thông xã hội và 54% cho rằng sẽ khá khó để từ bỏ. Các thực trạng tương tự dường như cũng đang diễn ra ở khắp nơi trên thế giới và không loại trừ đối với thanh thiếu niên tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu từ nhiều nhà khoa học cho thấy, sử dụng truyền thông xã hội có rủi ro và nguy cơ đối với sức khỏe tâm thần nói chung ở thanh thiếu niên (Sala et al., 2024).

Mối quan hệ giữa việc sử dụng Internet, MXH và sức khỏe tinh thần không phải là một chủ đề mới ở các quốc gia phát triển nhưng những kết quả được công bố vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn. Trong khi nghiên cứu tại Nhật Bản (Tamura et al., 2017) đã chỉ ra rằng thời gian sử dụng điện thoại không có liên quan gì đến trầm cảm ở thanh thiếu niên, thì đồng thời lại có nghiên cứu ở Úc nói rằng việc sử dụng Internet có liên quan đến trầm cảm ở thiếu niên nữ nhưng lại không ở thanh thiếu niên nam (Hoare et al., 2017). Mặc dù một phần nào đó những mâu thuẫn đã được giải thích bởi khía cạnh văn hóa và hạn chế trong phương pháp nghiên cứu (Baloglu et al., 2020) nhưng điều này cũng cho thấy một thực tế rằng bức tranh tổng quan về chủ đề này vẫn còn nhiều khoảng trống, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Trong một nghiên cứu gần đây, Baloglu và cộng sự (2020) chỉ ra rằng người châu Á có tần suất sử dụng Internet cao hơn châu Âu, châu Mỹ và người châu Phi và đồng thời là nguy cơ trầm cảm của người châu Á sử dụng Internet quá mức cao hơn so với thanh thiếu niên Hoa Kỳ. Với mức độ sử dụng đáng kể này, điều quan trọng là chúng ta cần hiểu được lợi ích và rủi ro ẩn tàng của việc sử dụng phương tiện MXH đến vấn đề cảm xúc và hành vi của người sử dụng.

Nghiên cứu này tập trung làm sáng tỏ thực trạng sử dụng Facebook của nhóm khách thể là HS THCS tại Hà Nội, Ninh Bình và mối liên hệ giữa việc sử dụng này và các vấn đề cảm xúc, hành vi của HS. Kết quả nghiên cứu sẽ trở

thành cơ sở để xây dựng các chương trình giáo dục, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tinh thần cho thanh thiếu niên trong bối cảnh việc sử dụng MXH đã cực kỳ phổ biến.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp khảo sát

- *Khách thể khảo sát*: 462 HS lớp 6, 7, 8, 9 thuộc 04 trường THCS tại Hà Nội và Ninh Bình (trong đó, tại Hà Nội lựa chọn Trường THCS Thực nghiệm - thuộc khu vực thành thị, Trường THCS Tam Hiệp - thuộc khu vực nông thôn; tại Ninh Bình, Trường THCS Thị trấn Nho Quan và Trường THCS Thạch Bình - thuộc khu vực miền núi). Thời gian khảo sát: tháng 10/2023. Hình thức khảo sát được thực hiện trực tuyến qua Google Forms.

Bảng 1. Thông tin về khách thể khảo sát

Cơ cấu mẫu (tỉ lệ %)								
Giới tính		Khối lớp				Học lực		
Nam	Nữ	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Giỏi/Hoàn thành xuất sắc	Khá/Hoàn thành tốt	TB/Hoàn thành
58	42	29	26	27	18	43	42	15

- *Công cụ khảo sát*. Phiếu khảo sát dành cho HS THCS về việc sử dụng Facebook và vấn đề cảm xúc, hành vi với cấu trúc 3 phần:

Phần 1: Thu thập thông tin chung về HS, gồm có 6 câu hỏi chính và 1 câu hỏi với mục đích kiểm soát thông tin. Các câu hỏi chính tập trung vào xác định các thông số về lớp, địa bàn, giới tính, học lực, trình độ học vấn của bố mẹ.

Phần 2: Hỏi về thực trạng sử dụng Facebook của HS THCS, gồm có 7 câu hỏi. Trong đó, 6 câu hỏi xác định các yếu tố xoay quanh việc sử dụng Facebook: thời gian, thời lượng, các yếu tố tác động tới việc sử dụng Facebook của HS. Câu hỏi số 7 bao gồm 6 mệnh đề, là Thang đo nghiện Facebook của Đại học Bergen bản tiếng Việt đã được lựa chọn cho nghiên cứu này (Lê Thiên Chương và cộng sự, 2020). Các thành phần của Thang đo bao gồm: sự quan tâm đến Facebook (BFAS1), sự dung nạp của tình trạng lạm dụng Facebook (BFAS2), sự thay đổi của tính cách (BFAS3), sự tái lập thói quen sử dụng Facebook (BFAS4), sự xuất hiện hội chứng cai (BFAS5) và sự ảnh hưởng tiêu cực của Facebook lên cuộc sống người dùng (BFAS6). Các câu hỏi của BFAS được cung cấp theo thang đo Likert 5 điểm: 1 - Không có; 2 - Hiếm khi; 3 - thỉnh thoảng; 4 - Thường xuyên; 5 - Rất thường xuyên.

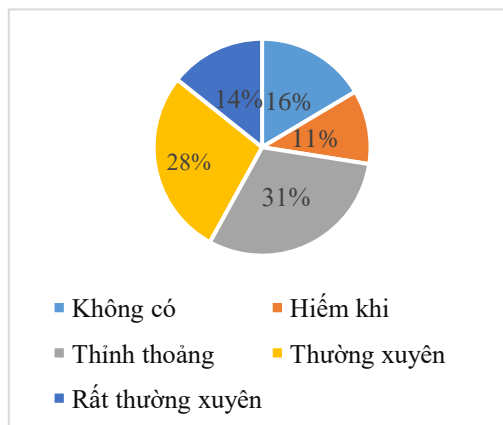
Phần 3: Hỏi về vấn đề cảm xúc và hành vi của HS THCS trong thời gian 6 tháng tới thời điểm khảo sát. Bản báo cáo dành cho thiếu niên (Youth Self-Report, YSR) năm 2001 được chuẩn hóa tại Việt Nam (Achenbach & Rescorla, 2019). Tất cả 112 biểu hiện cảm xúc, hành vi được phân thành 8 trục hội chứng thường gặp ở trẻ 11-18 tuổi và phân bố vào 3 nhóm: Các vấn đề hướng nội bao gồm: Lo âu/trầm cảm; Thu mình/trầm cảm; Phàn nàn cơ thể. Các vấn đề hướng ngoại bao gồm: Hành vi phá bỏ quy tắc và Hành vi hung tính. Các vấn đề trung gian bao gồm: Vấn đề xã hội, Vấn đề tư duy, Vấn đề chú ý. Thang đo YSR có 3 mức độ trả lời: Không đúng (không có hành vi - cảm xúc đó): 0 điểm; Đôi khi đúng: 1 điểm; Hoàn toàn đúng: 2 điểm. Việc xác định các mức độ có hay không gặp vấn đề về cảm xúc, hành vi được phân chia theo 3 ngưỡng sau: Mức 0: Ngưỡng bình thường; Mức 1: Ranh giới lâm sàng; Mức 2: Ngưỡng lâm sàng (có vấn đề).

2.2. Kết quả khảo sát mối quan hệ giữa việc sử dụng Facebook với vấn đề cảm xúc và hành vi của học sinh trung học cơ sở

2.2.1. Thực trạng dấu hiệu lệ thuộc Facebook của học sinh trung học cơ sở

Trong số 462 HS THCS tham gia khảo sát, chỉ có 76 HS cho biết các em không dùng Facebook. Tỷ lệ sử dụng Facebook ở HS như sau (biểu đồ 1).

Biểu đồ 1 cho thấy, 28% và 14% HS được hỏi sử dụng Facebook ở mức “rất thường xuyên” tới “thường xuyên”. Có khoảng 31% HS thỉnh thoảng có dùng Facebook và 11% hiếm khi sử dụng. 16% (76 HS cho biết không sử dụng Facebook). Theo quy định từ Facebook, trẻ em từ 13 tuổi trở lên mới được cho phép đăng ký tài khoản Facebook. Như vậy, HS lớp 6 và 7 sẽ chưa được phép có tài khoản và truy cập Facebook. Tuy nhiên, khi phỏng vấn các em HS, một bộ phận HS lớp 6-7 cho biết các em được người lớn đăng ký để phục vụ các nhu cầu khác nhau (có trang thông tin riêng, cập nhật tình hình học tập và cuộc sống hằng ngày, giải trí,...).

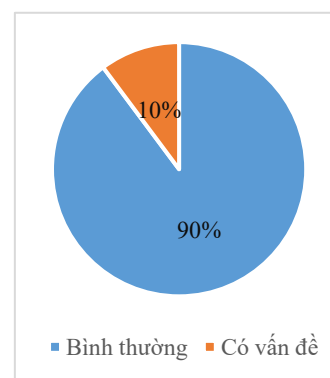


Biểu đồ 1. Tỷ lệ HS THCS sử dụng Facebook

Trong số 386 HS có sử dụng Facebook, kết quả Thang đo BFAS thể hiện ở biểu đồ 2. Tỷ lệ HS THCS trong nhóm mẫu khảo sát của nghiên cứu này có dấu hiệu lệ thuộc MXH Facebook ở mức thấp (10%). So sánh với các nghiên cứu khác về tỉ lệ thanh thiếu niên có dấu hiệu lệ thuộc Facebook cho thấy, kết quả điều tra ở nhóm mẫu HS THCS tại Hà Nội và Ninh Bình nằm trong dải số liệu dưới ngưỡng trung bình ở các quốc gia. Chẳng hạn, nghiên cứu của Huang (2014) tại Trung Quốc cho biết, 15.6% thanh thiếu niên ở khu vực đô thị của quốc gia này có dấu hiệu lệ thuộc MXH. Sự chênh lệch trong các báo cáo nghiên cứu ở nhiều quốc gia cũng khá lớn. Số liệu của Statista (2019) chỉ ra 40% giới trẻ Mỹ cho biết họ nghiện MXH, 5% trong đó cho rằng câu nói “Tôi nghiện MXH” là mô tả hoàn toàn đúng về họ. Con số này ở Ấn Độ được Masthi và cộng sự (2018) công bố là 36.9%. Tại Việt Nam, số liệu của các công bố cũng báo cáo tỉ lệ này có sự khác biệt. Nghiên cứu của Phạm Thị Kim Yến và cộng sự (2022) cho biết, 39% HS Trường THCS Minh Trí có dấu hiệu lệ thuộc Facebook. Sự khác biệt về tỉ lệ HS có dấu hiệu lệ thuộc MXH nói chung ở các quốc gia có thể đến từ văn hóa và tâm lí sử dụng Internet, MXH ở các quốc gia.

Chúng tôi cũng kiểm tra các khía cạnh về giới tính, học lực, địa bàn sinh sống và trình độ học vấn của bố mẹ liên quan đến tỉ lệ HS THCS lệ thuộc Facebook. Kết quả cho thấy, không có sự khác biệt về giới tính, học lực, địa bàn sinh sống và trình độ học vấn của bố mẹ ở nhóm HS THCS có dấu hiệu lệ thuộc Facebook.

Có thể kết luận rằng, HS THCS được lựa chọn khảo sát cho nghiên cứu này sử dụng nhiều nhất là các MXH: YouTube, TikTok, Zalo và Facebook. Trong đó, 68.2% HS THCS được khảo sát thường dành thời gian từ 1-2 giờ mỗi ngày để sử dụng MXH. Tỷ lệ HS sử dụng MXH trên 4 giờ một ngày ở mức 18.6%. Có khoảng 13.2% HS THCS dùng MXH dưới 1 giờ/ngày. Xem xét theo khía cạnh giới tính, học lực và địa bàn sinh sống đều cho thấy có sự khác biệt giữa các nhóm khách thể về thời lượng truy cập MXH của HS THCS: nữ sinh sử dụng MXH nhiều hơn nam sinh; HS giỏi sử dụng MXH nhiều hơn HS có học lực khá, trung bình; HS thành thị sử dụng MXH nhiều hơn HS ở nông thôn/miền núi. Các em thường sử dụng MXH nhiều nhất vào thời điểm 17-22h, tiếp theo là buổi chiều 14-17h và trưa 11-14h. Điện thoại là thiết bị được HS THCS sử dụng nhiều nhất để truy cập MXH, tiếp theo là tivi và máy tính. 83.5% HS THCS có sử dụng MXH Facebook, trong đó 10.2% có dấu hiệu lệ thuộc. Kết quả so sánh theo giới tính, học lực, địa bàn sinh sống và trình độ học vấn của cha mẹ không ảnh hưởng đến tỉ lệ HS THCS lệ thuộc Facebook.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ HS THCS có dấu hiệu lệ thuộc Facebook

2.2.2. Thực trạng vấn đề cảm xúc, hành vi của học sinh trung học cơ sở

Thang đo YSR với 112 mệnh đề cho thấy độ tin cậy Cronbach's Alpha = 0.977 ở mức tốt có thể sử dụng cho nghiên cứu trên nhóm mẫu được lựa chọn.

Bảng 2. Kết quả thực trạng cảm xúc trên nhóm mẫu HS THCS

Tiêu chí	Hướng nội (Tỉ lệ %)			Trung gian (Tỉ lệ %)			Hướng ngoại (Tỉ lệ %)		
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6	Nhóm 7	Nhóm 8	
Nam	Mức 0	70.3	80.2	72.4	77.6	86.5	89.6	88.0	85.9
	Mức 1	12.0	11.5	7.3	10.9	5.7	5.2	4.2	6.3
	Mức 2	17.7	8.3	20.3	11.5	7.8	5.2	7.8	7.8
Nữ	Mức 0	68.5	80.4	73.7	66.7	82.2	84.1	85.6	83.7
	Mức 1	12.2	8.9	18.5	12.6	10.0	7.0	7.0	6.7
	Mức 2	19.3	10.7	7.8	20.7	7.8	8.9	7.4	9.6

(Nhóm 1: Lo âu/trầm cảm; Nhóm 2: Thu mình; Nhóm 3: Phàn nàn cơ thể; Nhóm 4: Vấn đề xã hội; Nhóm 5: Vấn đề tư duy; Nhóm 6: Vấn đề chú ý; Nhóm 7: Hành vi phá bỏ quy tắc; Nhóm 8: Hành vi hung tính;

Mức 0: Ngưỡng bình thường; Mức 1: Ranh giới lâm sàng; Mức 2: Ngưỡng lâm sàng).

Kết quả khảo sát (bảng 2) cho thấy, tỉ lệ HS THCS có biểu hiện “lâm sàng” ở vấn đề cảm xúc và hành vi dao động từ 5.2% đến 20.7%. Trong đó, HS có dấu hiệu “ngưỡng lâm sàng” ở nhóm hướng nội cao hơn hướng ngoại, HS nữ có tỉ lệ ở “ngưỡng lâm sàng” cao hơn HS nam. Nhóm các vấn đề xã hội (nhóm 4) có tỉ lệ HS ở “ngưỡng lâm sàng” cao nhất, trong khi thấp nhất là vấn đề chú ý (nhóm 6). Kết quả khảo sát này cũng khá tương đồng với các nghiên cứu trong thời gian qua tại Việt Nam về sức khỏe tinh thần nói chung ở HS THCS, trong đó tỉ lệ HS có biểu hiện “lâm sàng” ở một số khía cạnh sức khỏe tinh thần dao động ở mức 20% (UNICEF, 2021). Tổng điểm của thang

đo YSR dao động từ 2 đến 210 điểm. Giá trị trung bình tổng điểm YSR trên 462 HS THCS bằng 48.9 và độ lệch chuẩn là 36 điểm. Tổng điểm thang đo YSR cho biết tổng điểm vấn đề cảm xúc, hành vi nói chung. So sánh giá trị trung bình của nhóm mẫu này với “đường trung bình” chung của YSR trên 24 quốc gia thì nhóm mẫu này của Việt Nam có điểm trung bình ở mức “cao” với 24 quốc gia được nghiên cứu. Kết quả trên nhóm mẫu HS THCS của nghiên cứu này tương đồng với kết quả nghiên cứu tại một số quốc gia như Hy Lạp, Tây Ban Nha, Litva (Achenbach & Rescorla, 2007).

2.2.3. Tương quan giữa việc sử dụng Facebook với vấn đề cảm xúc và hành vi của học sinh trung học cơ sở nói chung

Kết quả cho thấy có mối tương quan có ý nghĩa giữa tổng thang đo BFAS và tổng điểm chung của thang đo YSR. Với $r = 0.211$ cho biết việc sử dụng MXH của HS THCS có mối tương quan tỉ lệ thuận với vấn đề cảm xúc, hành vi, ở mức yếu. Điều đó có nghĩa là nếu như HS THCS có tổng điểm lệ thuộc MXH càng cao thì tổng điểm chung của thang đo YSR cũng càng cao. Nói cách khác, nếu HS THCS có mức độ sử dụng MXH ngày càng cao thì nguy cơ gặp các vấn đề cảm xúc, hành vi càng cao. Cụ thể, nghiên cứu của Sümen và Evgin (2021) cho biết, nghiện mạng xã hội ở học sinh có mối tương quan tích cực với các vấn đề về hành vi và cảm xúc, thiếu chú ý/tăng động, các vấn đề với bạn bè và chất lượng giấc ngủ kém, và có mối tương quan tiêu cực với các hành vi thân thiện và hiệu quả giấc ngủ.

Xét trên khía cạnh giới tính, việc sử dụng MXH Facebook ở HS nữ có mối tương quan chặt chẽ với vấn đề cảm xúc, hành vi hơn ($r = 0.237, p = 0.000 < 0.01$) so với HS nam ($r = 0.157, p = 0.29 < 0.05$). Tức là nếu HS nữ THCS sử dụng MXH Facebook ngày càng nhiều hơn so với HS nam, thì nguy cơ gặp các vấn đề về cảm xúc, hành vi tăng lên.

Có thể thấy, tương quan giữa việc sử dụng MXH Facebook với vấn đề cảm xúc, hành vi của HS THCS ở mức yếu. Mối liên hệ này ở HS nữ chặt chẽ hơn HS nam THCS, nhưng không có khác biệt đáng kể, đều ở mức thấp. Điều đó có nghĩa là việc sử dụng MXH Facebook không ảnh hưởng nhiều đến vấn đề cảm xúc, hành vi nói chung ở HS THCS, mà phụ thuộc vào các yếu tố khác (chẳng hạn như thời lượng sử dụng,...).

2.2.4. Tương quan giữa các nhân tố của thang đo lệ thuộc Facebook với cảm xúc và hành vi nói chung

Tương quan giữa các nhân tố của thang đo lệ thuộc Facebook với vấn đề cảm xúc và hành vi nói chung. Kết quả tương quan giữa 6 nhân tố của thang đo lệ thuộc Facebook với vấn đề hành vi - cảm xúc nói chung ở HS THCS thể hiện ở bảng 3:

Bảng 3. Tương quan giữa các nhân tố của BFAS với tổng điểm thang YSR

	YSR	BFAS 1	BFAS 2	BFAS 3	BFAS 4	BFAS 5	BFAS 6
YSR	1						
BFAS 1	.254**	1					
BFAS 2	.260**	.627**	1				
BFAS 3	.276**	.562**	.620**	1			
BFAS 4	.180**	.520**	.624**	.531**	1		
BFAS 5	.287**	.583**	.669**	.517**	.603**	1	
BFAS 6	.313**	.544**	.600**	.521**	.552**	.665**	1

** Tương quan ở mức ý nghĩa 0.01; $P = 0.000$

Kết quả bảng 3 cho thấy, trong số 6 nhân tố của thang đo lệ thuộc Facebook thì nhân tố sự ảnh hưởng tiêu cực của Facebook lên cuộc sống người dùng (BFAS 6) có mối tương quan chặt chẽ nhất với tổng điểm của thang đo YSR. Với $r = 0.313, p = 0.000 < 0.01$ cho thấy việc sử dụng Facebook đến mức gây “ảnh hưởng tiêu cực” có tương quan thuận ở mức trung bình với các vấn đề cảm xúc, hành vi. Điều đó có nghĩa là, HS THCS sử dụng Facebook nhiều đến mức có thể ảnh hưởng xấu tới học tập và cuộc sống thì khả năng xuất hiện vấn đề cảm xúc, hành vi tăng lên.

Các nhân tố còn lại của thang đo lệ thuộc Facebook đều thể hiện mối tương quan yếu với các vấn đề cảm xúc, hành vi ở HS THCS. Cụ thể, nhân tố xếp vị trí thứ hai là sự xuất hiện hội chứng cai (BFAS 5) với $r = 0.287, p = 0.000 < 0.01$ thể hiện tương quan thuận ở mức yếu với các vấn đề cảm xúc, hành vi ở HS. Kết quả này cho thấy khi HS THCS bị cấm sử dụng Facebook mà xuất hiện các dấu hiệu bồn chồn, bứt rứt, khó chịu hay gặp các khó khăn khác thì nguy cơ gặp các vấn đề cảm xúc, hành vi nói chung càng cao.

Nhân tố thứ ba của thang đo lệ thuộc Facebook thể hiện tương quan thuận với các vấn đề cảm xúc, hành vi ở HS THCS là sự thay đổi của tính cách (BFAS 3). Kết quả tương quan $r = 0.276, p = 0.000 < 0.01$ cho biết, khi HS THCS sử dụng Facebook dễ quên đi những vấn đề cá nhân hay dễ giảm các giác bồn chồn, lo âu, cô đơn, tuyệt vọng sẽ chỉ làm gia tăng thêm các vấn đề cảm xúc, hành vi của bản thân hơn. Bởi khi đó, nguồn gốc của những lo âu, trầm cảm không được giải quyết mà bị kìm nén và “tạm quên đi”. Việc “tích tụ” ngày càng nhiều những vấn đề này có thể gây ra tâm trạng và tư duy ngày càng tiêu cực về bản thân và cuộc sống.

HS THCS, là thời kì phát triển mạnh mẽ các yếu tố về nhận thức, cảm xúc, hành vi và kỹ năng xã hội. Các em có nhu cầu giao lưu, giao tiếp lớn để mở rộng các mối quan hệ và nhận thức về thế giới. Thời kì này, các em cũng có nhiều băn khoăn về sự lựa chọn ở hiện tại và tương lai.

2.2.5. Tương quan giữa mức độ sử dụng Facebook với 8 hội chứng của cảm xúc và hành vi ở học sinh trung học cơ sở

Kết quả tương quan giữa thang đo lệ thuộc Facebook và 8 hội chứng về vấn đề cảm xúc, hành vi ở HS THCS thể hiện như sau:

Bảng 4. Tương quan giữa thang đo BFAS và YSR

	BFAS	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
BFAS	1								
Lo âu/trầm cảm (1)	.207**	1							
Thu mình/trầm cảm (2)	.307**	.566**	1						
Phản nản cơ thể (3)	.185**	.529**	.472**	1					
Vấn đề xã hội (4)	.248**	.681**	.548**	.548**	1				
Vấn đề tư duy (5)	.244**	.556**	.544**	.455**	.510**	1			
Vấn đề chú ý (6)	.309**	.560**	.533**	.396**	.575**	.532**	1		
Hành vi phá bỏ quy tắc (7)	.269**	.400**	.421**	.470**	.470**	.601**	.416**	1	
Hành vi hung tính (8)	.293**	.560**	.500**	.451**	.635**	.616**	.602**	.694**	1

***. Tương quan ở mức ý nghĩa 0.01; P = 0.000*

Kết quả trên cho thấy trong 4 nhân tố của mức độ sử dụng Facebook thì với $r = 0.279$, $p = 0.00 < 0.005$ cho thấy sử dụng Facebook ở mức “bỏ bê xã hội” có mối quan hệ chặt chẽ nhất đối với tổng điểm chung của thang đo YSR, sau đó là đến nhân tố “thiếu kiểm soát”. Kết quả này cho thấy khi người sử dụng Facebook bỏ bê các công việc, sao nhãng những hoạt động hằng ngày, tách biệt dần với các mối quan hệ xã hội, hay thiếu kiểm soát về mức độ sử dụng của mình, thì nguy cơ mắc vấn đề về sức khỏe tinh thần nói chung càng cao. HS THCS đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách mạnh mẽ, có nhu cầu giao tiếp rất lớn với hoạt động chủ đạo là giao lưu và học tập thì việc các em sử dụng Facebook đến mức độ “bỏ bê xã hội” rất có thể sẽ dẫn đến các vấn đề sức khỏe tinh thần. Hoặc cũng có thể các em gặp những khó khăn trong đời sống thực và việc lấy MXH như là việc thay thế cho những khó khăn trong mối quan hệ của đời sống thực khiến cho các em càng ngày càng “bỏ bê xã hội”.

Kết quả trên cho thấy mức độ sử dụng MXH không chỉ có mối quan hệ tỉ lệ thuận với tổng điểm chung mà cũng có mối quan hệ tỉ lệ thuận với tất cả 8 hội chứng theo thang YSR của Achenbach. Với $r = 0.43$ cho thấy giữa mức độ sử dụng MXH và hành vi hung tính của HS THCS có mối tương quan chặt chẽ nhất, ở mức mạnh. Người sử dụng MXH ở mức độ càng cao thì càng có xu hướng căng thẳng, có hành vi gây hấn với người xung quanh.

Tiếp theo, với $r = 0.332$ cho thấy mối tương quan thuận có ý nghĩa giữa mức độ sử dụng MXH và Lo âu/trầm cảm ở HS THCS là mức độ trung bình. Điều đó có nghĩa, nếu như HS sử dụng MXH ở mức độ càng cao thì vấn đề lo âu, trầm cảm của các em cũng sẽ tăng. Mối quan hệ cũng rất đáng quan tâm nữa là giữa mức độ sử dụng MXH và Vấn đề tư duy của HS. Với $r = 0.321$ cho thấy hai yếu tố này cũng có mối tương quan thuận ở mức độ trung bình. Nếu như mức độ sử dụng MXH của HS càng tăng lên thì các em càng gặp nhiều những vấn đề liên quan đến tư duy. Mối quan hệ giữa mức độ sử dụng MXH và Thu mình/trầm cảm ở mức trung bình ($r = 0.297$). Nhiều nghiên cứu đã khẳng định việc dành thời gian quá nhiều cho Internet đồng nghĩa với việc dần rút lui khỏi mối quan hệ xã hội thực để đi vào thế giới ảo, với nhiều quan hệ ảo trên mạng.

Chúng tôi cho rằng đây là kết quả rất đáng lưu ý bởi lứa tuổi HS THCS là lứa tuổi đang hình thành và định hình về mặt nhân cách, xác lập các giá trị cuộc sống và phát triển các quan hệ xã hội để khẳng định con người xã hội. Việc dành thời gian quá nhiều cho MXH sẽ khiến các em tự cô lập bản thân với thế giới cuộc sống thực bên ngoài, nơi cung cấp cho các em những kiến thức, trải nghiệm thực tế để hình thành và phát triển những nhận thức, những nét nhân cách phù hợp với yêu cầu của cuộc sống của xã hội.

3. Kết luận

Facebook nói riêng và MXH nói chung đã trở thành công cụ mạnh mẽ trong việc kết nối giữa các cá nhân và thúc đẩy hiệu quả học tập, công việc của HS và thật không có cách nào phủ nhận những lợi ích chúng mang lại. Thế nhưng, với trẻ vị thành niên là giai đoạn dễ tổn thương và thiếu kiến thức, kinh nghiệm sống nên các em gặp khó khăn trong quản lý sử dụng MXH của mình. Các em cần được đào tạo để hiểu rõ hơn về mối quan hệ hai chiều giữa sử dụng MXH và sức khỏe tinh thần cũng như cách thức sử dụng MXH một cách phù hợp. Kết quả nghiên cứu trên HS tại Hà Nội và Ninh Bình cho thấy, có mối quan hệ giữa các khía cạnh trong vấn đề lệ thuộc Facebook và các

khía cạnh trong vấn đề về cảm xúc, hành vi ở HS. Nếu mức độ sử dụng Facebook của trẻ càng tăng lên đến mức ảnh hưởng tiêu cực cuộc sống của trẻ (BFAS6) hoặc xuất hiện triệu chứng cai (BFAS5) hay có mục đích sử dụng là để giải tỏa các áp lực cuộc sống khác (BFA3) thì đó có thể được xem như một chỉ báo, một dấu hiệu quan trọng để chúng ta quan sát thấy nguy cơ gia tăng các biểu hiện sức khỏe tinh thần nói chung. Bên cạnh đó, tất cả các nhân tố trong nhóm vấn đề sức khỏe tinh thần đều báo cáo có tương quan thuận đáng kể và có giá trị về mặt thống kê. Bốn nhóm nổi bật trong số đó là hành vi hung hăng, lo âu/trầm cảm, năng lực tư duy, và thu mình/trầm cảm được tìm thấy tương quan thuận cao nhất với sự lệ thuộc vào Facebook. Những kết quả trên là cơ sở thực tiễn, nhấn mạnh sự cần thiết trong việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vấn đề sử dụng MXH nói chung, Facebook nói riêng.

Nghiên cứu này bị giới hạn khi công cụ BFAS chỉ đo lường đối với việc sử dụng Facebook mà chưa đề cập tới các MXH khác. Bên cạnh đó nghiên cứu sẽ hoàn thiện hơn nếu làm rõ được những chức năng của hành vi sử dụng MXH ở trẻ. Ngoài ra, tiếp cận mối quan hệ giữa việc sử dụng MXH với các rối loạn tâm thần cụ thể cũng có thể là hướng phát triển tiềm năng cho các nhà nghiên cứu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Achenbach & Rescorla (2019). *Hướng dẫn sử dụng các bản đánh giá và hồ sơ trong hệ thống đánh giá dựa trên thực chứng của Achenbach: Dành cho lứa tuổi học đường*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Achenbach, T. M., & Rescorla, L. A. (2007). *Multicultural Understanding of Child and Adolescent Psychopathology: Implications for Mental Health Assessment*. New York: Guilford Press.
- Baloğlu, M., Şahin, R., & Arpacı, I. (2020). A review of recent research in problematic Internet use: gender and cultural differences. *Current Opinion in Psychology*, 36, 124-129.
- Eurostat (2022). Young people in Europe - A statistical summary. <https://ec.europa.eu/eurostat/documents/4031688/15191320/KS-06-22-076-EN-N.pdf>
- Hoare, E., Milton, K., Foster, C., & Allender, S. (2017). Depression, psychological distress and Internet use among community-based Australian adolescents: a cross-sectional study. *BMC Public Health*, 17, 1-10.
- Huang, H. (2014). *Social media generation in urban China: A study of social media use and addiction among adolescents*. Springer.
- Lê Thiên Chương, Đỗ Đức Minh, Mai Phương Thảo (2020). Độ tin cậy và tính giá trị của thang điểm đánh giá tình trạng nghiện Facebook của Đại học Bergen phiên bản tiếng Việt. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*, 24(1), 138-144.
- Masthi, N. R. R., Pruthvi, S., & Phaneendra, M. S. (2018). A Comparative Study on Social Media Usage and Health Status among Students Studying in Pre-University Colleges of Urban Bengaluru. *Indian Journal of Community Medicine*, 43(3), 180-184. https://doi.org/10.4103/ijcm.IJCM_285_17
- Pew Research Center (2022). *Teens, social media and technology 2022*. <https://www.pewresearch.org/Internet/2022/08/10/teens-social-media-and-technology-2022/>
- Phạm Thị Kim Yến, Trần Thị Mỹ Phương, Trần Thị Thi Huy, Nguyễn Văn Lơ (2022). Nghiện mạng xã hội và sự tác động của nghiện mạng xã hội đến học sinh Trường Trung học cơ sở Minh Trí năm 2019. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 508(1), 30-35. <https://doi.org/10.51298/vmj.v508i1.1483>
- Sala, A., Porcaro, & Gómez, E. (2024). Social Media Use and adolescents' mental health and well-being: An umbrella review. *Computers in Human Behavior Reports*, 14, 100404. <https://doi.org/10.1016/j.chbr.2024.100404>
- Statista (2019). *U.S. teens: most frequently accessed social networks 2019*. <https://www.statista.com/statistics/420112/us-teens-most-used-social-networks>
- Sümen, A., & Evgin, D. (2021). Social media addiction in high school students: a cross-sectional study examining its relationship with sleep quality and psychological problems. *Child Indicators Research*, 14(6), 2265-2283. <https://doi.org/10.1007/s12187-021-09838-9>
- Tamura, H., Nishida, T., Tsuji, A., & Sakakibara, H. (2017). Association between Excessive Use of Mobile Phone and Insomnia and Depression among Japanese Adolescents. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 14(7), 701. <https://doi.org/10.3390/ijerph14070701>
- UNICEF (2021) *Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh thiếu niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam*. <https://www.unicef.org/vietnam/vi/reports/nghien-cuu-suc-khoe-tam-than-tam-ly-xa-hoi-tre-em-viet-nam>